

65 NĂM NGÀY GIỖ
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
1 - 5 - 1936 ÷ 1 - 5 - 2001



1882 - 1936

NGUYỄN VĂN VĨNH

1001. **BÀI BÁO**
"L'ANNAM NOUVEAU"
1931 - 1936 **TẬP 21**
NĂM 2001



ĐỐI MẶT VỚI
KINH TẾ KHỦNG HOẢNG



2001
NAM MÔ ĐẦU
NGÀN NĂM THỨ BA

**65 NĂM NGÀY GIỖ
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
1 - 5 - 1936 ÷ 1 - 5 - 2001**

Ông Nguyễn Văn Vĩnh là người chiến sĩ cách mạng đổi mới có đủ tư cách nhất, trung thành nhất, thực hiện một cách đầy đủ, sáng tạo và có hiệu quả nhất chương trình hành động của Đảng tự trị do ông Phan Châu Trinh đề xướng năm 1906.

Trong suốt 30 năm từ 1907 đến 1936, từ Đăng Cổ tùng báo đến "L'Annam Nouveau", từ Tân Nam Tử (Người năm mới) đến Nước Nam mới, 12.000 ngày không ngày nào ông rời quill bút để viết về cuộc cách mạng đổi mới và cách mạng văn hoá Chữ Quốc Ngữ.

1930 thực dân Pháp tịch thu nhà in Trung Bắc Tân Văn và thu hồi giấy phép xuất bản sách báo Chữ Quốc Ngữ của ông. Ông không đầu hàng và không chịu bó tay. Ông đã tập hợp lực lượng trí thức mới, không được thành lập Đảng chính trị, ông đã thành lập Hội buôn bán, in và xuất bản báo "L'Annam Nouveau", vì báo viết bằng Pháp văn không phải xin giấy phép và không bị kiểm duyệt.

1935 Pháp đã tịch thu hết tài sản của ông, đuổi gia đình ông ra đường, buộc ông phải từ bỏ báo "Nước Nam Mới" và biệt xứ ông sang Lào, lấy danh nghĩa là đi tìm vàng để giả nợ Ngân hàng Đông Dương.

1-5-1936 ông từ trần, nằm một mình trên một chiếc thuyền độc mộc, bồng bênh trên dòng sông Sê-Ban-Hiên (Nhánh của sông Mê Kông) sau một cơn giông tố, không ai hay và cũng chẳng ai biết ra sao. Tay ông vẫn cầm bút máy đang viết dở dang thiên phóng sự cuối cùng "Một tháng với những người đi tìm vàng".

Năm 2001 năm mở đầu thế kỷ XXI cũng là năm mở đầu nghìn năm thứ ba, chúng tôi dịch và in lại 8 bài báo "L'Annam Nouveau" do ông viết về kinh tế khủng hoảng, đọc những bài báo này cho chúng ta thấy rõ thực dân Pháp đã dồn ông vào thế cùng và độc ác như thế nào.

Tập này là tập thứ 21 chúng tôi sẽ tiếp tục dịch và xuất bản những tập tiếp theo sau.

Ngày 1 tháng 3 năm 2001
Các con cháu và chất
Ông Nguyễn Văn Vĩnh

THẺ HÉ THÚ HẠI CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
(S. NGƯỜI NGỒI GIẾ) VÀ MỘT SỐ TRONG THẺ HÉ 3





THỂ HỀ THỦ ĐẠ CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN VINH

A.N. SỐ 115

11/12/1932

ĐỒNG KẼM, ĐỒNG TRINH

Theo một yêu cầu của ông Lê Văn Phúc trong kỳ họp vừa qua của Phòng đại biểu nhân dân, ông Thống sứ đã tổ chức ra một tiểu ban đặt dưới sự chủ tọa của ông Bouchet, Thanh tra các công việc chính trị của người bản xứ, mục đích để nghiên cứu những khả năng để đưa vào lưu hành những đồng kẽm bằng kẽm hay bằng bất cứ kim loại nào, để có thể cho quần chúng nhân dân nghèo có một đồng tiền chia nhỏ bằng vào khoảng một phần mười xu ($0^s,001$).

Đồng trinh hiện nay bằng đồng, trị giá bằng một nửa xu, theo ông Phúc nó đã góp phần vào làm cho đời sống đắt hơn lên, cho những tầng lớp nghèo khổ, vì như vậy họ không thể nào đi mua được hơn hai lần với một xu, trái lại đời xưa khi mà một xu có thể đổi được lấy 48 đồng kẽm, ông cha chúng ta có thể đi du lịch trong một ngày hoàn toàn, đi hai mươi hoặc ba mươi ki lô mét đi bộ, nếm thử một bữa ăn đầu tiên với một vòng nhỏ tiền kẽm trị giá hai hay ba xu. Với một đồng kẽm họ có thể mua được một bát nước chè, một cái kẹo, hoà vào nước chè để uống, làm quên đói và cho phép đi hết đoạn đường không phải ăn trưa. hoặc còn hút được

một miếng thuốc Lào trong cái miếng cây. Đồng kẽm bằng kẽm cho phép những người nghèo nhất cho tiền làm phúc cho những người nghèo hơn mình, bằng cách ném những đồng kẽm vào những cái rổ của những người ăn mày, xếp dài theo dọc đường. Ngày nay với một nửa xu cách giúp đỡ người nghèo này không thể thực hiện được nữa.

Và họ phải tiêu đi một đồng trinh nhỏ nhất này ở mỗi một chỗ nghỉ chân, dù chỉ là để uống nước một hụm nước chè. Sự chênh lệch theo lý luận này, đầu tiên được chấp nhận cho những người bán hàng, bởi vì không còn có thể có đồng tiền nhỏ hơn, cuối cùng là phải biến đi trong tính toán, để đưa giá cả những vật rẻ tiền nhất lên là nửa xu, đã trở thành đơn vị tiền tệ nhỏ nhất của những người nghèo. Việc này không làm giàu cho những người bán hàng, vì rằng để không phải tiêu nhiều, những người nông dân của chúng ta tự bỏ uống nước, bỏ ăn kẹo và hút thuốc Lào, hoặc là ít nhất chỉ nghỉ chân nhiều nhất ở dưới bóng những cây to, chứ không trước các quán nước chè. Những nghề nghiệp nghèo khổ, chỉ sống được bằng những đồng kẽm đồng trinh và những người nông dân có ít tiền nhất của chúng ta đã có thể ném vào đó tha hồ, bản thân nó cũng biến mất từ từ, khách hàng trở nên hiếm hoi hơn.

Ông Phúc mong muốn như vậy làm sống lại tất cả cái thế giới nhỏ bé này, bằng cách yêu cầu cho vào vòng luân lưu những đồng kẽm mới, nó sẽ trở thành những đồng "Centimes" của chúng ta, bởi vì đồng bạc (\$) giữ vững giá là 10 francs, đồng một hào (0⁵, 10) vừa đúng bằng một francs của Pháp.

Tất cả là phải biết, nếu là có thể, chính phủ chế tạo ra đồng tiền chia nhỏ này với một giá trị thực tế thấp hơn giá trị của đồng tiền, có nghĩa là 1000 đồng kẽm bằng một đồng bạc. Chỉ có những nhà kỹ thuật mới có thể cho chúng ta biết về vấn đề này; bằng cách tính toán giá của kim loại, loại rẻ tiền nhất, với giá thành của công rập. Nếu chúng ta biết được giá kim loại, giá công rập, chúng ta hoàn toàn không biết.

Phải đặt làm một máy đặc biệt, sản xuất ngay tại chỗ, bởi vì rằng đồng kẽm công kênh như vậy, có thể không trả nổi tiền vận tải từ bên Pháp sang đây. Một khi cái máy này được chế tạo ra, người ta phải biết công suất của nó, giá tiền mua nó giao đến tận chỗ, tiền lương của công nhân viên để điều khiển máy hoạt động, những chi phí chung để xây dựng nhà máy rập tiền kẽm. Biết bao nhiêu là vấn đề mà chúng ta chưa giải đáp được. Còn hơn nữa, chúng tôi tin rằng việc làm này tốn kém nhiều hơn là hữu ích.

Một vài năm đã qua, có phải là chúng ta đã có đồng trinh 1/6 xu, và chúng ta không biết nó đã được rập ra trong những điều kiện nào. Việc làm thử đã cho những kết quả không ra gì và những người An Nam đã tiếp đón nó với một số hào hứng, khi nó mới xuất hiện, và đã nhanh chóng chán bỏ nó.

Chúng ta đã quên cả cách nó đã biến mất như thế nào khỏi vòng luân chuyển, mặc dù là sự việc này, mới xảy ra trong một thời điểm tương đối gần đây. Tôi chỉ nhớ, hẳn chúng gán cho sự thất bại của đồng trinh này là do sự việc những quỹ của công từ chối không tiếp nhận nó để thanh toán.

Những chỉ dẫn đã đến với chúng tôi, và chúng tôi cũng không có phương tiện để kiểm tra lại, những đồng trinh bằng đồng, mà chính phủ nhà vua đang cho quay vòng hiện nay ở Trung Kỳ, có một giá trị hiện vật cao hơn giá trị thật của nó và vì vậy mà những người Trung hoa đã thu mua nó và nấu lại để sử dụng kim loại, chính đây là một việc gian lận, không thể nào dẹp đi được và phải ngăn cấm, ít nhất cũng phải bắt được quả tang những người đã vi phạm. Một cuộc phiêu lưu giống như vậy đã xảy ra với đồng bạc 27 grs, khi mà giá bạc tăng lên. Nó cũng đã xảy ra với những đồng tiền đáng nể hơn bằng vàng ở Châu Âu sau cuộc đại chiến.

Đúng là giá đồng đắt hơn là giá kẽm nên ông Phúc yêu cầu làm những đồng bằng kẽm, kim loại này rất phổ thông.

Những đồng kẽm có khuyết điểm là bị tự huỷ hoại nhanh hơn và bị vỡ trong quá trình tiêu dùng. Điều này chỉ có hại cho những người tiêu dùng, chứ không có hại cho chính phủ, ngược lại chính phủ lại còn được lãi, nếu giá thành để sản xuất ra đồng kẽm thấp hơn giá trị thực tế của nó, điều này còn phải kiểm tra lại.

Ví dụ như những điều kiện để sản xuất là thuận lợi, giá của kẽm và những chi phí để rập, người ta phải lập nên một xưởng để sản xuất ra những đồng kẽm, một cách như thế nào để giảm được tới mức tối thiểu những chi phí của việc sản xuất này, và để có thể có được sự chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá thành không tạo ra được một lợi nhuận cho việc làm lậu và không đòi hỏi một sự kiểm tra quá đắt tiền.

Với những dự phòng đó, chúng tôi hoàn toàn tán thành với những đề nghị của ông Lê Văn Phúc đã đề ra, và để nghị viện chuyển giao cho ông Thống sứ, ông sẽ làm các công việc tiếp theo một cách nhanh chóng, và cho những nhận xét là ông

rất mong muốn giúp đỡ nhân dân của chúng ta trong thời buổi khó khăn và nghèo khổ này.

- Ví dụ như tất cả những kết quả đã được dự tính theo mong muốn của tác giả đều không được thực hiện đầy đủ, công việc đáng được làm thử ngay hôm nay nếu nó không bị phá sản. Bởi vì bao giờ cũng phải thử làm để an ủi nhân dân khi họ bị đau khổ.

Những lý do đã làm chúng ta nghi ngờ về hiệu quả của biện pháp là như sau:

Nếu sự biến mất của đồng kẽm cũ đã thực tế là nguyên nhân làm cho đời sống của nhân dân chúng ta bị dấy đỏ lên, việc nâng cao những giá cả này được hình thành và việc đưa lại cũng những đồng kẽm ấy hoặc một đồng tiền tương tự nào khác vào luân chuyển sẽ không làm cho giá cả hạ xuống. Từ đó, những đồng kẽm mà người ta sẽ phân phát ra nhiều quá mức chỉ sẽ làm cho cản trở vòng quay và tạo ra những sự tranh chấp liên tục trong những việc chi trả được thực hiện giữa những người bán xức với nhau, nếu những tranh chấp giống như vậy không xảy ra trong những công việc giao dịch ở các quỹ công cộng. Bởi vì không được quên là trong khi đưa vào luân chuyển những đồng kẽm thì trước đó đã có những đồng trinh hiện nay bằng đồng, có rất nhiều những thơ phản đối đã được gửi

lên chính phủ vì những quỹ của Nhà nước đã từ chối không nhận những đồng trinh đó.

Một đồng tiền nếu người ta muốn cho nó, không phải là một giá trị hợp pháp, thì ít nhất cũng là một giá trị không chính thức, bao giờ cũng phải được kho bạc chấp nhận để thanh toán trả tiền, hoặc ít nhất cũng bởi một sổ quỹ công nếu người ta không muốn làm cho nó mất giá ở những nhà tư. Và những lý do công kênh có thể nảy sinh ra khi vòng quay của đồng tiền mới được lập nên, không có thể là đã có ngay từ khi đưa vào vòng quay. Để làm cho quần chúng người ta chấp nhận một dấu hiệu mới của đồng tiền, thì Nhà nước phải áp đặt làm gương mẫu đầu tiên.

Chính đây là một việc khác mà chính phủ phải lưu ý đến, nếu yêu cầu của Hội đồng Đại biểu nhân dân đã vừa mới thỉnh cầu.

Đấy, đối với chúng tôi là tất cả những đầu bài của bài toán.

Nguyễn Văn Vĩnh

Một tiểu ban do ông Thống sứ chỉ định, trong đó có ông Phúc tham dự, đã họp lại thứ hai vừa qua. Trong quá trình thảo luận chúng tôi đã có thể ghi lại những chi tiết sau đây:

Vào năm 1898 sự khan hiếm những đồng kẽm cũ đã làm cho chính quyền lần đầu tiên phải lưu ý đến, một tiểu ban đầu tiên được họp lại và đã ra tuyên bố không tán thành việc rập ra những đồng kẽm mới.

Năm 1902 vấn đề này lại được bàn lại, và chỉ ba năm sau, vào năm 1905, mới được đưa vào vòng quay đồng tiền bằng kẽm, trị giá bằng 1/600 của đồng bạc \$. Những đồng kẽm này đã bị thất bại hoàn toàn.

Những đồng trinh hiện nay bằng đồng thau (1/200\$) vào thời điểm năm 1921 đồng trinh này được rập ra bằng máy của công ty những công trình cơ khí ở Hải Phòng sản xuất ra với giá là 1\$,12 = 200 đồng trinh. Công cụ này trị giá 25.000\$. Đồng trinh được đưa vào vòng quay sử dụng với giá trị 36,915\$ với một tỷ lệ khấu hao là 2% cho những nhân viên phụ trách phân phối nó. Công việc này là có hại cho kho bạc Nhà nước.

Đồng thau có giá là 0\$,48/1kg, trước kinh tế khủng hoảng và bây giờ giá là 0\$, 25 đến 0\$,28, theo ông Hoàng Trọng Phu có lẽ bây giờ người ta có thể đánh giá đồng trinh bằng đồng thau này, ví dụ như có giá trị thực tế ít hơn 1/300\$

Nhưng đây là một vấn đề khác, bởi vì đồng trinh 1/2 xu hay 1/3 xu hình như không làm thay đổi gì tình hình.

A.N. Số 146
21/6/1932

ĐỒNG VÀNG

Những vấn đề tài chính công khai trở nên vô cùng phức tạp, và bao giờ cũng phải kiểm chế việc ban hành những thông báo quá đơn giản, nó có thể làm siêu lòng theo hướng tốt của quần chúng, hướng tốt về những vấn đề này không có những mục đích nào khác là làm cho những thu nhập cá nhân hiện nay, so sánh với những nhu cầu cá nhân cũng là hiện nay, so sánh nó với những chỉ tiêu của những thời đã qua, thường được coi như là tốt nhất.

Từ khi chiến tranh những vấn đề này càng trở lên phức tạp hơn nữa về những đầu đề mới mà thế giới cũ đã không biết được mà những nhà kinh tế cổ điển cũ không lưu ý đến; Họ không thể nào dự trù trước được.

Những quan sát tiếp theo đây như vậy không có ý định nào khác, là ý định làm nổi bật lên những sự việc cụ thể mà nhân dân An nam cũng có thể phát hiện ra được, không bị đe dọa rơi vào sự phê bình thiếu suy nghĩ của một tình hình mà họ không biết những nguyên nhân xa xôi, và vì vậy nó không có khả năng tìm ra được những cách sửa chữa và ngay cả đánh giá được những điều đã được nghiên

cứu bởi những nhà chức trách tài chính họ đã quyết định về tương lai kinh tế của đất nước.

Chúng ta biết được một cách đại cương là để sửa chữa một tình hình đặc biệt nguy hiểm tạo ra bởi sự không ổn định của trị giá đồng bạc Đông Dương của chúng ta chính phủ đã quyết định ngày 31/5/1930 giữ vững giá trị của đồng bạc đó bằng là 10f.

Việc giữ vững giá đó có ý nghĩa đối với chúng ta như thế nào?

Người ta đã nói với chúng ta là đồng bạc (\$) là một đồng tiền bạc đã phải chịu đựng những đòn chống lại của sự hạ giá của kim loại bạc trên thế giới, do nguyên nhân có sự sản xuất ra quá nhiều kim loại này, theo một nhịp độ tăng lên quá mức một cách không đều đặn, để có thể dự trù trước được tất cả ảnh hưởng của sự hạ giá đó vẫn còn đang tiếp tục. Ảnh hưởng đó có thể dẫn tới ví dụ như: làm tiêu diệt tất cả những đồng tiền ta có, điều đó sẽ là một tai hoạ bởi vì chính với sự có nó mà chúng ta làm được những việc mua bán ở bên chính quốc và ở các nước ngoài, và chúng ta trả được những tiền nợ của chúng ta.

Tất cả những nước làm việc và làm thương mại với bên ngoài bao giờ cũng có, trong cán cân thương mại của mình, một tài khoản nợ, độc lập với món nợ công của mình.

Để giữ lại được cho đồng bạc của chúng ta một khả năng của người giải phóng vững vàng, Chính phủ đã quyết định có một ngày đồng bạc không còn phải là 27 gam bạc có tít là 900/000 nữa, mà là 655 miligam vàng. Có nghĩa là đồng bạc kim loại đang lưu hành sẽ có trong tương lai, cũng như những tờ giấy bạc tượng trưng cho nó, cùng một giá trị thực tế là 655 miligam vàng, tức là 10francs tiền của Pháp, là một đồng tiền vàng.

Để có thể ban hành quyết định này người ta phải sơ bộ trang bị trước một dự trữ vàng có tầm quan trọng so sánh với số tiền đang lưu hành (giấy bạc và đồng tiền kim loại) được ấn định bởi những nghị định của chủ tịch nước Cộng hoà theo đề nghị của ông Toàn quyền.

Quyết định này được ban hành, đồng bạc của chúng ta trở thành một đồng tiền vàng và những tờ giấy bạc của Ngân hàng Đông Dương mà chúng ta giữ phải mang dòng chữ thay thế những chữ nho cũ "Kiến tự giao ngân" nghĩa là trả lại bằng bạc; phải in lại như sau "Kiến tự giao kim" có nghĩa là được trả lại bằng vàng.

Điều này phải là, nếu như khách hàng những người sử dụng bản xứ được tính như một cái gì trong những công việc tài chính của Ngân hàng phát hành được ưu tiên và của phủ toàn quyền

Đồng Dương... Đồng tiền Đồng Dương của chúng ta trở thành như vậy, một đồng tiền vàng.

Nhưng tất cả những biện pháp đó về đồng bạc và về tài chính công cộng thường được ban hành bên ngoài của người bản xứ, nói như vậy là họ không được tính đến. Người ta chỉ đòi hỏi họ đem bao nhiêu đến kho bạc dưới hình thức nộp thuế trực tiếp, và điều đó trở thành đối với họ một chỉ số độc nhất về giá trị, ít ra cũng là quan trọng nhất, vì rằng những đồng vàng đó, đồng bạc hoặc đồng giấy mà họ đã nhận được để trả tiền những sản phẩm của họ và sức lao động của họ, cũng còn dùng cho họ để trả tiền nhưng vật mà họ mua của thương mại nước ngoài vào lúc bấy giờ gần như là độc quyền của thương mại Pháp.

Chỉ số thứ hai này chỉ được phổ biến cho họ một cách rất không đầy đủ, do họ có khả năng bỏ qua hoàn toàn tất cả sản phẩm không phải là bản xứ khi giá cả của nó là quá cao, được coi như một xa xỉ họ chỉ trả tiền khi nào họ có đủ phương tiện.

Sự thay đổi lớn đó, biện pháp tài chính to lớn này nó đã làm cho thay đổi nguồn gốc cơ sở của đồng tiền của chúng ta đã được quyết định một cách chúng ta không ai được biết. Những báo chí đã có thông báo, nhưng đồng đảo quần chúng

người An Nam không đọc báo, hoặc là họ có đọc báo nhưng họ không ở trong điều kiện để hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của một biện pháp như vậy.

Và cho tới hôm nay gần như tất cả những người An Nam đều không biết là đất nước mình có một đồng tiền vàng.

Để cho họ biết được điều này, họ phải được trông thấy, được sờ vào ít nhất một lần đồng tiền vàng - vậy ai trong số chúng ta đã nhìn thấy tiền vàng?

Chúng ta biết rằng, chúng ta một vài người rất hiếm, đã được nghe nói một cách chung chung một vài điều gì đó, là theo lý luận những đồng tiền giấy của chúng ta và đồng bạc của chúng ta là đại diện cho vàng, và đã có một quỹ tiền vàng được bảo quản ở một nơi nào đó, trong những hầm chứa của Ngân hàng Đông Dương, để bảo đảm cho những đồng tiền giấy này và những đồng bạc được đưa vào để luân chuyển, nhưng không có một người nào trong chúng ta có thể nói được là có bao nhiêu vàng cho một số x tiền giấy, x đồng bạc đang được luân chuyển, và ở dưới hình thức nào cái quỹ đó tồn tại bằng vàng khối, bằng thỏi, bằng đồng tiền vàng Louis đẹp đẽ của Pháp, bằng đồng Livres Sterling của Anh hoặc là bằng cái gì nữa?

Đồng bạc như vậy đối với đồng bào của chúng ta là một đồng tiền có giá trị bắt buộc, trong đó dấu hiệu độc nhất về giá trị là có thể dùng được để đóng thuế.

Trước khi bị mất giá của đồng bạc cũ, cái giá trị đó vẫn còn lại đối với chúng ta, mặc dù đã có những nghị định những quyết định và những công bố về sự giữ vững giá của đồng bạc bằng là 10 Frs; một giá trị của bạc mà chúng ta không biết thời giá trên thế giới.

Từ ngày mất giá đó, cũng đã trở thành đối với những đầu óc đơn giản một giá trị không có thật mà đầu óc thông minh của quần chúng không thể nào quan niệm được thực chất ra sao.

Sự mất giá này của đồng bạc xoè 27grs được thay thế bằng một đồng bạc nhỏ hơn nặng 20grs, thể hiện ra đối với chúng tôi như vậy được coi như một biện pháp mà ý nghĩa của nó thoát khỏi hoàn toàn sự đánh giá của quần chúng người An Nam. Nó còn được che phủ trong những giới nông dân, một tính chất làm mất lòng của một sự tăng giá vô nguyên tắc, những phương tiện để giải thoát có lợi cho kho bạc và nhà băng phát hành làm mất lòng và lạc hướng bởi vì rằng đồng bạc mất giá trị chỉ được chấp nhận sau một thời hạn nào đó được ấn định một cách chính thức, chỉ để có một giá trị thấp hơn giá trị của đồng bạc mới nhỏ hơn.

Điều đó đã làm cho đại đa số quần chúng có một vài nghi ngờ rất menh mông về sự hạ giá của đồng tiền bằng kim loại nhưng không giải thích được cho họ. Và chỉ có một vài người rất hiếm hiểu biết được và giải thích được những nguyên nhân thực của việc mất giá trị của đồng bạc nặng 27grs này.

Những người nông dân như vậy không biết gì là đồng bạc ngày nay có một giá trị bằng vàng, họ vẫn tiếp tục đòi hỏi để bán những sản phẩm của mình với giá trị rất cao. Không còn có thể tạm thời hạ giá thành của nó xuống làm thế nào để họ có thể nghĩ đến làm việc đó, và vì những lý do gì để họ làm nó? Nhất định là họ vẫn tiếp tục, đòi hỏi những người mua những sản phẩm của họ theo những giá bù lại được ít nhất là những chi phí để sản xuất, không biết là những giá cả đó đã trở thành quá mức so sánh với đồng tiền đã bị mất giá của những nước mua hàng chủ yếu.

Và không có thể bán được đã từ trên hai năm nay, đầu tiên họ cho là việc không bán được này là do những biện pháp ngăn cấm được áp dụng không hợp thời, rồi sau cho là cái thuế 45% đánh vào việc xuất khẩu gạo, và vì việc không bán được gạo vẫn tiếp tục sau khi đã bỏ cấm xuất khẩu và sau khi bỏ thuế xuất khẩu, cũng giống như những giá trị được trả vẫn còn không ra gì, họ không còn biết gán cho cái gì và giải thích như thế nào cái khủng hoảng

giai giảng này, như chúng ta đã nói, nó đe dọa còn nhiều hơn Chính phủ và thương mại Pháp, sống được nhờ dựa vào sự phồn vinh của những người bản xứ, mà bản thân những người bản xứ, vì rằng những người bản xứ có nguồn gốc để trở lại đời sống cổ xưa và nếu cần thiết trở lại trao đổi sản phẩm những thứ tối cần thiết giữa họ với nhau, làm cho mất giá trị hành động khai hoá văn minh của nước Pháp trên đất nước này và làm cho cái bộ máy đất tiền quản lý hành chính và kinh tế được sáng chế ra hoàn toàn bởi chính phủ Pháp trở thành một gánh nặng, mà nhân dân An Nam chỉ có thể đổi mặt được trong điều kiện ở đó nước Pháp cung cấp cho họ những phương tiện để làm.

Nhất định không có đe dọa nổi dậy hoặc làm cách mạng, nhưng có đe dọa bị phá sản cho một chính phủ được coi là một xí nghiệp sống được dựa trên một khách hàng, mà một ngày kia nó sẽ không có thể trả tiền được nữa, và đối với tất cả những hình thức hoạt động của Pháp, nó sẽ trông thấy biến mất sau cái khách hàng ở bên ngoài không còn có thể giao dịch với một người cung cấp giàu quá; mà đồng tiền là quá đắt so sánh với đồng tiền của mình, khách hàng người bản xứ bản thân nó nghèo đi, và bị đẩy xuống chỉ còn ăn gạo của mình, nếu một khi mà gạo vẫn cứ tiếp tục mọc lên tốt.

Người ta đã gán cho, không biết sai hay là đúng, ông Maurice Long, ông toàn quyền cũ của chúng ta một đề án những cải cách, cách mà người ta có thể tin được là được lập nên để dự phòng cho tình hình hiện nay.

Cải cách gồm có trang bị cho Đông Dương một đồng tiền vàng, nhưng là một đồng tiền vàng thật, nhìn thấy được và sờ vào được, được rập ngay ở trong nước và nó sẽ có trị giá của nó so sánh với đồng tiền bằng bạc, vẫn còn tồn tại như những phương tiện để trao đổi ở bên trong nước, cũng giống như những đồng kẽm vẫn còn tiếp tục tồn tại trong một thời gian dài nữa song song với đồng tiền bằng bạc.

Những thuế trực tiếp sẽ được trả bằng đồng bạc và bao giờ cũng được dùng làm chỉ số chính thức của giá trị đối với những người nông dân của chúng ta, họ sẽ bán những sản phẩm của họ như vậy chống lại một đồng tiền đã mất giá so sánh với vàng, nhưng bao giờ cũng tương trưng đối với họ những phương tiện để trả tiền có hiệu quả.

Người ta đã có thể nhận thấy là, dưới thời những ông vua cũ của chúng ta, sự phồn vinh chung trong cả nước đã được đánh giá cao, theo cách nhìn của nhân dân, không phải là theo một thang kim loại quý giá, nhưng là theo sự lẫn lộn của đồng tiền đang được lưu hành, bằng hiện vật những

đồng kềm cho phép có một dòng giao lưu đồng đảo
nơi sự mua bán giữa những con người. Trong mỗi
quan hệ đó, một vài nghiên cứu lịch sử về đồng
kềm có thể sẽ là một tài liệu hữu ích rất lớn. Những
kim loại quý như vàng và bạc, thành từng thỏi hay
từng thanh, chỉ là những phương tiện đơn giản để
tích lũy sự giàu có rất thuận lợi, mà giá trị cao thấp
không ảnh hưởng gì đến hoạt động của những
người dân cây và những người thợ thủ công.

Có lẽ nó sẽ không còn như thế nữa ngày mà
đất nước chúng ta sẽ nhập vào thành một nước cùng
trong một dàn hoà nhạc lớn quốc tế, nhưng chúng ta
chỉ làm cho nó tiến lên được rất chậm. tới giai đoạn
đó hãy còn xa lắm. Và tạm thời bây giờ một mặt thì
có đất nước An Nam, phải nuôi sống nhân dân của
nó, gần như còn chưa biết một tí gì những quan hệ
quốc tế; một mặt khác, nhìn chung những quyền lợi
của Pháp đã lập được lên ở trên đất nước này, rút ra
từ đất nước này những bộ phận và chỉ có một mình
nó là gắn liền chặt chẽ với tình hình quốc tế.

Một cách làm cho nó vẫn có khả năng quan
niệm được vấn đề tiền tệ tách rời nhau ra, dưới
những trạng thái khác nhau: quốc tế và trong nước.

Đối với những quan hệ quốc tế của chúng ta,
Đồng Dương có một đồng bạc trong sạch. có khả

năng giải phóng, cần phải được bảo vệ theo những
nguyên lý của kinh tế chính trị học quốc tế. Điều
này là thuộc về những nhà tài chính, họ quyết định
tương lai của thuộc địa của Pháp này. Nhưng đối
với những nhà kinh tế ở bên trong nước và trong
một giới hạn nhất định, cho những quan hệ của
chúng ta với một số lớn những khách mua hàng
những sản phẩm của chúng ta thì đồng tiền bị mất
giá, tổ chức tài chính và kinh tế không tốt, chúng ta
cần phải có một đồng tiền nó không làm cho những
khách mua những sản phẩm của chúng ta không
mua được ở trong nước.

Giữa hai đồng bạc này, có một mối quan hệ
giống như mối quan hệ giữa những đồng kềm cũ và
đồng bạc của những người Âu Châu đã đưa vào.

Đồng vàng nhất định sẽ từ từ hơn hẳn đồng
tiền của nhân dân chúng ta, nhưng những người am
hiểu sẽ không đánh giá cao giá trị quốc tế của nó, và
đất nước chỉ có thể thẳng thắn chuyển sang qui chế tư
bản chủ nghĩa Âu Châu ngày nào mà đồng đảo quần
chúng những người am hiểu sẽ bắt đầu nghĩ đến.

Việc rập những đồng tiền vàng này ở ngay tại
chỗ còn có một cái lợi là giữ lại được những mẩu
vụn, điều đó hãy còn lại trong những dự trữ vàng
lớn đó, mà chúng ta đã có dưới hình thức đồ trang

sức khối lớn, mà những bà của chúng ta đã tích lũy được đeo trên người và ở trong những tủ két. Nếu chúng ta có một cửa hàng những đồng tiền vàng, thì tất cả những thất thoát vàng sang Trung Quốc mà người ta thường kêu ca ngay từ ngày bắt đầu kinh tế khủng hoảng, sẽ có thể chặn lại được.

Những người còn giữ được những đồ trang sức khối lớn, đáng lẽ đem bán cho những nhà đầu cơ Trung Quốc, thì họ chỉ cần đơn giản đem bán cho cửa hàng tiền vàng, họ sẽ được trả theo thời giá có trừ đi tiền công để rập tiền vàng. Như vậy sẽ có sự biến đổi từ những đồ trang sức thành những đồng tiền vàng đẹp đẽ và sẽ giữ lại được vàng ở trong nước.

Tất cả những ý kiến này không phải là của tác giả của bài báo này, nhưng tác giả đã nghe được và dịch ra theo cách nói của mình và cách nói thích hợp cho độc giả của chúng ta. Có thể là đối với những chuyên gia tài chính nó là ngô nghê, chúng tôi viết bài báo này ^{có} thể nhận được một trong những bài học làm cho người ta hiểu nhầm chúng tôi đến từ một vài nhà chức trách về chuyên đề này.

Chúng tôi sẽ trở nên hữu ích vì đã nêu vấn đề lên để tranh luận.

Nguyễn Văn Vĩnh

A.N SỐ 199

25/12/1922

ĐỐI MẶT VỚI KINH TẾ KHỦNG HOẢNG

Đại Hội đồng kinh tế tài chính Đông Dương đã đề nghị, và chính phủ, đã đáp ứng ngay đề nghị của Đại hội Đội đồng là họp khẩn cấp một tiểu ban gồm có những đại diện của tất cả những thành phần có liên quan, mục đích để tìm ra những cách sửa chữa cho tình hình kinh tế và tài chính hiện nay nó đã trở nên phải báo động.

Tiểu ban này, gọi tên là Tiểu ban gạo vì rằng nó sẽ phải nghiên cứu, theo những câu trình bày trong nguyện vọng của ông Chêne, chủ tịch Phòng nông nghiệp Nam Kỳ:

1. Vấn đề gạo;
2. Những trao đảo kinh tế ở Nam Kỳ, đặc biệt là sự mắc nợ của ruộng đất và những ông chủ xây dựng nhà ở thành thị.
3. Những ảnh hưởng của nó về phương diện thương mại và công nghiệp.

Tiểu ban sẽ họp trong một ngày gần và gồm có những thành viên người Pháp và người bản xứ

được chính phủ chỉ định và những bộ phận khác nhau được bầu ra của thuộc địa.

Chính phủ đã truyền đạt ngay lập tức mong muốn được nghe đại hội phát biểu, với chỉ có một điều kiện là vấn đề không vững giá của đồng bạc không được nêu lên, tất cả những cải cách tiền tệ được nêu lên một cách công khai đều có thể dẫn tới những phản ứng không tốt về tình hình tài chính của đất nước.

Như vậy thì còn vấn đề gì nữa để thảo luận ở trong các tiểu ban này để giải quyết việc không bán được gạo, thời giá bị hạ thấp, mắc nợ ngày càng nhiều của đất đai và của chủ nhà xây dựng, và để dẫn tới được một phong trào khôi phục lại thương mại và công nghiệp ở Đông Dương?

Ông Cố Vấn Gannay mà những tầm nhìn trong tình huống này đã đạt được một tầm quan trọng không phủ nhận được, đứng về nhân cách tài chính của ông và chức danh của ông là tổng thanh tra của Ngân hàng Đông Dương, ông đã tuyên bố là tất cả những cách giải quyết có thể được và tương tự ra được để cứu vãn tình hình nguy ngập của đất nước, đã được chấp nhận và chỉ còn có đem nó ra thực hành. Nhưng như thế nào? Về phần ông, ông chỉ nhìn thấy có một vai trò có thể được cho cơ

quan cho vay tiền thời hạn trung bình và dài hạn đã được sáng tạo ra: là vai trò của người giải tán, can thiệp vào cho một sự chăm chú từng bước và cùng nhau thoả thuận những món nợ mà những người làm ruộng và những người chủ nhà đã mắc phải.

Điều này cho ta thấy là những chủ nợ lớn, mà Ngân hàng Đông Dương sẽ sẵn sàng lưu ý tới có những sự dàn xếp và bộ máy chính thức cho vay tiền đã được lập nên có mong muốn can thiệp vào. Để làm cái gì? Chấp nhận, theo tất cả những hình thức bên ngoài, về phần của mình những món nợ đã mắc phải, sau những gượng nhẹ cơ bản, và làm điều đó để thanh toán, một tình trạng, hay nói đúng hơn nhiều tình trạng không thể tự kéo dài hơn cho tới cùng mà không tạo ra một sự mệt mỏi tổng thể đứng trước một triển vọng nhìn xa cho tất cả, chỉ có lao động với một mục đích để khấu hao dần những món nợ của mình hay là để chỉ có phục vụ những lợi nhuận, và để lại đó sự giải phóng cuối cùng một cách có tính toán cho những thế hệ tương lai.

Còn về việc phải làm những ứng trước mới cho những người cấy ruộng và những người chủ nhà, đã mắc nợ nhiều quá, hoặc là cho những người rất hiếm hoi không mắc nợ để làm việc trong những điều kiện hiện nay, vấn đề này không thể nào bất cứ một cơ quan tài chính nào có thể nghĩ

tới được, ngay cả những cơ quan Nhà nước cũng không lo được, bởi vì rằng việc thu hồi lại tỏ ra là không thể có được.

Ngoài những hành động đó ra, mà phạm vi của nó đã vượt quá và vượt quá nhiều những phương tiện tài chính có ở trong tay những ngân hàng cho vay tiền dài hạn, thế thì còn lại những việc gì phải làm để cứu vãn nông nghiệp?

Rất ít việc làm được, nếu một việc quảng cáo tích cực đã có thể làm cho bán được một ít thóc gạo, nhưng giá cả vẫn còn thấp quá, so sánh với giá thành lại cao quá.

Việc xoá bỏ thuế đầu ra, do một vài người tích cực đề nghị, sẽ làm cho tổng ngân sách mất đi một khoản thu lớn, lại không ảnh hưởng nhiều đến việc bán được thóc.

Theo những tin tức hàng ngày đến tay những cố vấn Nam Kỳ trong quá trình của cuộc họp, những giá mua thóc gạo đã hạ thấp xuống, một số ngày đã xuống tới 1\$ bảy gạ nặng 24 kg, tức là một giá không tưởng tượng được là 0\$,55/100kg. Nếu những tin mới này được xác nhận, nó sẽ báo động cho những nông dân Bắc Kỳ, bản thân họ mới chỉ biết những giá cả rất có thể còn chấp nhận được là 3\$,20 hoặc 3\$,50 ở những vùng chung quanh những nhà ga

có thu mua nhiều và những trung tâm mau bán, để không hạ xuống quá tới 1\$,80 hoặc 2\$,00 chỉ ở những làng ở xa những nơi đầu mối.

May thay, vấn đề ở đây là những trường hợp riêng biệt bị đầu cơ do có sự khan hiếm quá mức tiền bạc. Bao giờ cũng có và ở khắp mọi nơi những kẻ vô lương tâm đặt mua với bất cứ giá nào những sản phẩm không thể bán được. Nhưng nếu sự không bán được kéo dài mãi, thì những giá cả không ra gì đó, nó là đến cuối cùng cũng được thanh toán bởi qui luật cung và cầu, kết thúc bằng tạo ra thời giá.

Chống lại điều đó, chính phủ không làm gì được, ngoài việc quảng cáo, để tạo ra những nguồn tiêu thụ mới. Phải công nhận là họ đã làm rất nhiều theo hướng đó. Một số người đã đề ra ý kiến làm một quảng cáo mới để tiêu thụ được ở Âu Châu thóc chưa làm thành gạo để làm thức ăn cho súc vật. Cũng có những biểu diễn để xác định là gạo đã gia công chỉ hơn hẳn vào lúc nấu nướng ở trong bếp, so với gạo được giao đến đã được gia công trong nhà máy và ướp lạnh ở Âu Châu. Có vẻ như trọng lượng trội lên, sẽ còn phải trả thêm cho việc vận chuyển thóc, không phải là một trọng lượng chết. Việc này vẫn còn phải xác nhận và nó sẽ trở thành thực sự rất hay một khi đã được chứng minh.

Ngoài ra còn một vài vấn đề về một hiệu quả theo toán học, chúng tôi chưa nhìn thấy gì còn phải nghiên cứu. Và phải chờ đợi để nhìn thấy vấn đề hiện ra vấn đề tiền tệ ở trong lòng của tiểu ban, mặc dù đã có những dặn dò nghiêm chỉnh của chính phủ.

Vấn đề này, chúng tôi bao giờ cũng tuân thủ một dự phòng lớn hơn, dưới sự chỉ đạo của sự không biết gì của chúng tôi về tất cả những đầu bài của bài toán. Điều đó không ngăn cản chúng tôi để thông báo một ngày gần đây cho những đọc giả của chúng tôi và cho những người quan tâm đến một vài ý kiến của người trên đường phố, họ đã đến với chúng ta về đề tài này ngay từ khi người ta tranh luận.

Nguyễn Văn Vĩnh

A.N. SỐ 207

22/1/1933

TRỘM VÀ CƯỚP

Những biểu hiện đầu tiên của sự nghèo khổ trên đất nước này là trộm và cướp, và những hành động giặc cướp, nhất là vào những ngày gần đến tết.

Tại sao những tội phạm lại tăng lên vào lúc này của năm An Nam? Trước tiên là vì những đồng bào của chúng ta đã gán cho nó một ý nghĩa rất long trọng cho tất cả những gì xảy ra trong những ngày đầu của một năm, nhất là trong ba ngày mà người ta thiết lập lên trong các gia đình, gọi là ba ngày tết chính.

Ví dụ như, nhịn ăn trong những ngày này sẽ làm cho anh nhịn ăn trong tất cả năm. Như vậy thì tất cả những người An Nam phải tự thu xếp để có cái gì để ăn tốt, uống tốt, ăn mặc tốt trong ba ngày tết. Lòng từ thiện cảm động nhất là phải làm thế nào bảo đảm cho mọi người những phương tiện để ăn, để dâng lên cho tổ tiên, để hưởng một sự đầy đủ tương đối trong ba ngày đầu tiên của một năm này. Tôi đã được biết có những ông chủ nhà đã áp dụng làm một nguyên tắc từ thiện để làm cho những người nghèo khổ thuê nhà của mình, một đặc ơn không phải trả đúng hạn phải nộp tiền thuê

nhà, trong phạm vi 10 ngày trước và sau ngày đầu năm, và điều đó không có sự phân biệt thâm niên. Một cách như thế nào cho người mới thuê nhà, họ chỉ mới ở trong gian nhà có 3 tháng, cũng được hưởng như những người thuê nhà đã lâu từ nhiều năm, một tháng ở nhà không mất tiền và không có ai nghĩ tới sự không công bằng của biện pháp tự do này. Điều đó cho ta thấy ý kiến chung của đồng bào chân thật của chúng ta. Có một sự đoàn kết lớn lao đã thắt chặt mọi người lại với nhau trong thời điểm long trọng này của một năm.

Trái lại với những người chủ nợ vào lúc này lại tỏ ra vô lương tâm để thu hồi về tiền bạc của mình vào những ngày cuối cùng của một năm sắp hết, và làm điều đó với lý do không chính đáng là họ phải tránh đến đòi nợ vào những ngày đầu năm sắp sửa bắt đầu. Cũng vậy những người vay tiền có lương tâm phải dùng tất cả những biện pháp để giữ vững nguyên tắc, trước khi hết một năm với tất cả những chủ nợ của mình, để giữ cho những tổ tiên của mình được bình yên trong những ngày này, ngày mà linh hồn thiêng liêng của họ trở về xum họp trong gia đình.

Con người bận rộn nhất phải tự gỡ ra những lo lắng của mình để đi qua được ít nhất là ba ngày long trọng nhất này, trong hoà bình và suy tư.

Có như vậy vào gần ngày tết năm mới, hay nói đúng hơn là những ngày đầu tiên của một năm, một hành động phi thường trong những giao lưu, trả nợ, mua bán, trả lại tiền, nó đã làm cho ngay cả những người nghèo nhất cũng mang ở trên mình, hoặc là bỏ ra từ nơi cất dấu, tất cả tiền bạc mà họ có thể có được.

Điều đó không phải là đã không gợi ý cho những kẻ gian khai thác lúc sơ hở. Họ đình mò lúc trở về của người bán hàng, lúc đó số tiền thu được thường là lớn hơn; Chúng nó đột nhập vào, bằng cách nhảy qua tường, trong những nhà rất kín đáo, ở đó những cửa cải mới thu về được, nhất định hãy còn chưa dấu được kỹ. Chúng nó làm gián đoạn trong những nơi bảo vệ không tốt, ở đó những sự chuẩn bị rất nhiều phải được tích luỹ lại với mục đích để dâng lễ và làm những thủ tục của gia đình. Những thanh toán tổng hợp đó những tài khoản tiền bạc phải khơi dẫn tất cả những giá trị về những tổ ấm của những người sung sướng có của va như vậy làm rỗng tuếch tất cả những nhà nghèo.

Cũng như vậy, những đứa con đồ hiền lành nhất cũng hăng hái lên. Những đứa nhỏ tự bằng lòng về những món nhỏ ở các chợ, lợi dụng sự chen chúc nhau đông người và những ùn tắc. Những đứa cương quyết hơn thì tập hợp nhau lại và âm mưu

làm những cú lớn hơn. Sự phổ biến những mảnh khoé của kẻ cướp Mỹ của các rạp chiếu bóng, đã đem lại cho bọn này những phương pháp mới nó được đem ra áp dụng ở các thành phố lớn. Những ý kiến mới nhất được đưa ra để thực hành. Vụ ăn cắp 800\$ mới đây ở một cửa hàng Bom bay ở phố hàng Đào, vụ âm mưu để chặn những ô tô lại trên đường đại lộ, những cuộc ban đêm nhập vào thăm những nhà đã biết, với lý do được mời tới dự những ngày lễ đạo cuối năm (lễ tất niên), những kế hoạch càn quét với danh sách những nhà được lựa chọn, ở đó phải hành động, là những ví dụ áp dụng các kỹ thuật mới đó. Sở cảnh sát vừa nhúng tay vào một nhóm tập hợp 40 tên cướp ở phố hàng Mành. Thành tích này phải được khen thưởng nồng nhiệt. Nhưng hãy còn nhiều việc phải làm, nếu người ta muốn cho phép chúng ta được qua ngày tết sắp tới một cách an toàn tuyệt đối, nhất là ở các vùng quê.

Lo sợ đã tới mức gần như chỉ còn một may mắn để cho những người giàu có khốn khổ như chúng ta, được nhìn thấy mình bị những người vay nợ tiền hào phóng, vào đúng lúc này người ta không còn nhận ra mình là người tốt, và chỉ được coi như một người buôn bán giàu có. Vì rằng người ta cho rằng những ông lớn này, là những người "Vào thì nhỏ để ra thì to" một bí danh nên thơ mà

đồng bào chúng ta dùng để chỉ những thằng ăn cắp, chui vào trong những nhà không ai biết, nhờ có sự thiếu cảnh giác, để có thể vơ vét đến trần trụi những người ở trong nhà, dưới sự đe dọa của một con dao hay những khí giới nào khác. Bọn chúng nó đã thống kê những nơi vơ vét được.

Điều này được nói lên để thông báo cho những người có một ít của cải, phải tỉnh táo và cảnh giác lưu ý để mắt đến những người ra vào nhà mình. Và nhất là phải tổ chức cùng nhau bảo vệ giữa những người hàng xóm với nhau.

Cảnh sát tuần tra, nhưng cảnh sát không thể nào có mặt được ở khắp mọi nơi cùng một lúc, và tốt nhất là những người công dân phải giúp đỡ cảnh sát trong lúc thực hiện trách nhiệm của họ, bằng cách không có ngời yên trong nhà của mình khi có tiếng kêu cứu ở bên nhà hàng xóm với một lý do không tốt cho là khi chạy đến cứu những người bị cướp, người ta có thể bị ngộ nhận là những kẻ cướp.

Đấy là những việc đã xảy ra, nhưng những kẻ có tâm phải biết tránh xa những mối nguy hiểm bằng cách tự bảo đảm có tổ chức bảo vệ lẫn nhau một cách có hiệu quả. Phải tin tưởng rằng lòng tin cậy lẫn nhau bao giờ cũng được lập lại. Nếu không

có điều đó thì sẽ không bao giờ có một xã hội bình yên được cảnh sát bảo vệ chặt chẽ.

Tôi nhấn mạnh sự cần thiết đối với người An Nam chúng ta là phải giữ gìn trong kỷ luật nếp sinh hoạt hàng ngày đó. Vì rằng chúng tôi biết cũng còn có những người khá giả, ở xa những trung tâm đông đúc, đã chọn cách điều đình với những bọn làm bậy, để được bọn này không đụng chạm đến mình, còn mặc kệ những người hàng xóm không có đủ phương tiện để làm.

Ở đây, trong công việc bảo vệ an ninh trong những ngày tết rất phức tạp này, tôi chỉ mới trình bày sơ qua những vấn đề cần phải giải quyết ngay trong các thời buổi rối ren phức tạp này, trong đó những nghề nghiệp lương thiện không còn nuôi được bản thân những người lao động.

NGUYỄN VĂN VINH

A.N SỐ 213

19/2/1933

NHỮNG CHỈ SỐ ĐÁNG LO NGẠI

Người ta không thể nào lên án cho chúng tôi là người báo động, nếu chúng tôi đi vào tố cáo tình trạng khốn khổ của dân chúng của chúng ta, nhất là của dân chúng thành thị, là nạn nhân của tất cả mọi người trong khủng hoảng kinh tế và tài chính.

Trên đất nước này, những báo chí, ngay cả những báo chí bằng tiếng bản xứ, đều không có một hành động nào về khối đông quần chúng, họ vẫn còn coi những điều này như một sang trọng lớn dành cho những người thành thị và những người sung sướng được ăn lương. Tất cả nghiên cứu về tình hình vật chất của nhân dân, như vậy đều có thể theo chúng tôi, đem ra giữa ban ngày và nhằm mục đích ngay thẳng để làm sáng tỏ cho những nhà chức trách, không có một nguy cơ nào để trông thấy những sự việc được nhận xét và những ý kiến phát biểu lên, được dùng làm những luận điệu cho những lời phản kháng của quần chúng, có thể tạo ra những phiền muộn cho những nhà chức trách có trách nhiệm về an ninh và về thu thuế. Nó chỉ có thể nhiều nhất là được dùng làm đề tài cho những cuộc thảo luận và những trò chơi châm biếm trong

số một nhóm người không chuyên, ngày nay họ vẫn còn họp nhau lại thành một hạt nhân của thế giới tương lai của những nhà báo, và những nhà chính trị người An Nam về những vấn đề hắc búa này về kinh tế quốc gia, trong đó có lẽ họ ưa thích hơn những bài phân tích dễ dàng về những công thức chính trị và về những mặt trái của xã hội suy thái.

Chính đây, chúng ta thoả thuận với nhau theo một cách khác thường để tôn nghề nghiệp của mình lên, đối với một nhà báo. Theo tục lệ, liệu họ có muốn là mỗi một người tự cho mình là quan trọng hơn một ít, và xác định được tốt hơn vai trò chủ yếu họ đang đóng ở trên đất nước này.

Vậy thì ! Không. Chúng tôi ưa thích hơn, dù có bị đe dọa vi phạm vào uy tín của cộng đồng, bảo đảm để những chính quyền công cộng ở trên những ảnh hưởng của những điều chúng tôi sẽ đưa ra ánh sáng, và làm điều đó để khẳng định với họ là chính cho một mình họ mà điều đó được làm. Những người khác có thể sẽ không nghe chúng tôi.

Dựa vào đó mà chúng tôi nói về đề tài này.

Chúng tôi muốn xác định là những quần chúng nhân dân là trong tình trạng nghèo khổ đến tối. Người ta rất nghi điều này nhưng người ta đã không hoàn toàn chắc chắn.

Nếu những thuế khóa của người bản xứ vẫn cứ bị thu vào trong tháng sáu tới - và chúng tôi toàn tâm chúc mừng điều đó - sẽ còn là tốt hơn cho những quỹ công, nhưng với giá biết bao nhiêu là đau khổ hy sinh cho những người phải đóng thuế, và khó khăn vất vả quá mức như thế nào về phần những nhân viên thu thuế, đứng trước những vấn đề này Chính phủ sẽ bắt buộc phải nhắm mắt lại.

Chúng tôi đã được trông thấy, trong hai hoặc ba lần thu thuế vừa rồi, những người nông dân của chúng ta đã phải đi theo bất cứ giá nào những con gà mái của họ, những con lợn của họ, những đồ dùng trong gia đình và cho tới cả những đồ thờ của họ. Họ còn phải bán những gì đi nữa để đổi mặt được với lần thu thuế sắp tới? Có thể là phải bán đi tới cả những con cái của mình, nếu như có người mua. Bởi vì rằng, như chúng tôi đã nói, người An Nam là một người đóng thuế tốt hơn cả, đối với họ nhiệm vụ đóng thuế là thiêng liêng; bởi vì rằng họ đã thấm nhuần cho là việc đóng thuế được dùng để bảo đảm cho họ sự an ninh cần thiết cho lao động của mình.

Nhưng bản thân lòng trung thành với nghĩa vụ công dân cũng có những giới hạn. Ở chỗ nào không có gì cả, ông Vua cũng bị mất những quyền hành của mình.

Và chúng tôi có cảm tưởng là những người nông dân không còn tiền nữa, không bán những sản phẩm của mình đi nữa, sau khi đã bán hết, đã từ hai năm nay với giá thấp hơn giá thành của nó.

Về phần chúng tôi, chúng tôi đã tìm ra được những chứng cứ không thể nào bác bỏ đi được.

Đã có nơi phải bán đi những ruộng làng trong một vùng chỉ có ít hơn một mẫu ruộng cho một người dân, chính xác là 720 mẫu cho 448 người phải đóng thuế cá nhân, chúng tôi đã phải để gần năm tháng, từ mùng 2 tháng 6 đến đến 23 tháng 10 năm 1932, để đặt 140 mẫu ruộng mà năm trước, đã phải bán đi trong có một buổi thôi. Còn thì chúng tôi đã phải thay đổi đi nhiều lần những điều khoản của văn tự, hạ thấp những giá tối thiểu xuống, kéo dài những thời hạn giả tiền và bắt buộc kim bàn tay của nhiều kẻ ăn chơi. Nhưng kỳ hạn đã hết, còn rất nhiều người không thể nào trả được tiền và đe dọa giao cho chúng tôi kết quả gặt hái được của họ ngay trên ruộng để trả những tiền ứng trước như đã hứa hẹn.

Có ruộng ở những vùng khác được ưu đãi hơn, ở đó những ruộng đất đã được bán với giá 500\$ một mẫu, một đồn điền nhỏ cho tới năm 1929 bao giờ cũng được trả theo giá vòng, trả tiền trước,

bởi rất nhiều chủ trại, chúng tôi đã có với những người nhận làm ruộng của chúng tôi từ năm 1930 những khó khăn ngày một trở nên nghiêm trọng hơn từ năm này sang năm kia. Đầu tiên là người quản lý khá giàu có, đã phải bỏ những đồng bạc của mình ra từ những nơi cất dấu để trả tiền ứng trước của họ, để không phải bán thóc gạo của họ theo giá thấp. Những hy vọng của họ về giá gạo sẽ lên giá từ từ là thất vọng, cuối cùng đã phải bán với giá thấp hơn so với trước nếu họ chờ đợi. Trong năm 1932 họ đã nộp cho chúng tôi vừa đúng số tiền để nộp thuế ruộng đất, bằng là một phần sáu của thu nhập và cho tới ngày nay không đem lại cho chúng tôi một số tiền nhỏ nào nữa để trả nốt năm phần sáu số tiền còn lại. Đã ở vào thế cưỡi ngựa sang một năm mới, anh ta đã giả điếc không nghe được thấy gì tất cả về việc đến chỗ ở của chúng tôi và nói để lại đấy đất đai mà anh ta đã cấy cấy từ bốn mươi năm nay. Dấu hiệu này càng là nghiêm trọng hơn khi mà giá cả tính bằng đồng bạc mà anh ta trả chúng tôi hiện nay vẫn là con số giống như anh ta bao giờ cũng vẫn trả từ năm 1892, không có một lùi bước nào, và như vậy hợp đồng thuê đất đối với anh ta bao giờ cũng ở mức có lợi như anh ta đã trả chúng ta tiền thuê đất trong

hai ba lạng vừa qua, năm đó thu hoạch của anh ta đã hoàn toàn mất trắng.

Người ta gán cho ông thống xứ Pagês đã có ý kiến để tiến hành những cuộc điều tra cá nhân trong khi đi kinh lý của ông ở bên trong nước, để biết được số tiền bạc mà những người nông dân hiện có ở trong người, ông đã hỏi tất cả bất cứ một người nào đang đi trên những đường dài. Người đứng đầu xứ bảo hộ này đã thấy được như vậy là, trên hai mươi người nông dân đã đi qua, chỉ có một hoặc hai người có trên 1\$ ở trong thắt lưng, và còn những người khác, không ai có một đồng tiền nào cả, hoặc là chỉ mang theo vài đồng xu, đồng trinh, rất hiếm có người có một tờ hào hay hai hào.

Đấy lại là những người đi du lịch, họ đi chợ hoặc về chợ, và họ đã có ý thức phải có ở trên người, hoặc là số tiền kiếm được hàng ngày, hay là tiền bạc cần thiết để mua xấp, hay ít nhất để trả tiền chén nước trà, một miếng trầu, một gói thuốc lào, hoặc một cái kẹo để ngậm trong cuộc đi bộ trên đường dài của họ.

Nhưng ông thống xứ còn sẽ hỏi những người ở tại chỗ. Một ông thầy giáo đáng kính đã giơ lên cho ông xem một tờ giấy bạc một hào.

Cảm tưởng của ông Pagês, theo như người ta đã nói lại với chúng tôi là sự nghèo khổ sâu sắc quá.

Thế đã là nhiều đối với những người nông dân của chúng ta, việc quan lớn thống xứ đã biết tình cảnh của họ, và có thể sẽ tìm ra những cách để sửa chữa tình trạng khốn khổ của họ không thể nào kéo dài được.

Người ta còn nói gì nữa với chúng ta? Nhưng ông quan cũng mắc nợ. Những người Dân nghe thấy đã phải bỏ ngay cả những hộp chè theo thủ tục. Có phải là tiến bộ không? Có phải là một hình ảnh tốt đẹp của tổ chức đổi mới? Có phải là ảnh hưởng của những lời khuyên của đức Vua không? Hay chỉ đơn giản là một ảnh hưởng của sự nghèo khổ đã đánh cả vào những người chỉ huy do bị phản trở lại?

Nguyễn Văn Vĩnh



THỂ HỆ THÚ TỬ CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN VINH

A.N. SỐ 250

1/7/1933

TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Những người đã trông thấy vào đầu tháng được lĩnh một số tiền lương, ngay cả một số tiền lương hạn hẹp và còn bị đe dọa rất nhiều trừ khấu, không thể nào thấy được nỗi lo sợ ghê gớm mà những người lao động phải sống ở trong đó, họ không những chỉ có tiền lương hàng tháng, nhưng còn phải tự bằng lòng với tiền lương của những người mà họ sử dụng và với cái mà người ta gọi là những ngày hết tháng cho những người buôn bán và chủ các xí nghiệp.

Một số người còn cho là dù sao cũng vẫn còn có một sự phục hồi nhỏ hoạt động, bởi vì đã có một vài đơn xin mua ngô như ở đây cũng đã có, tính ra bằng ngô chỉ đủ để xếp vào một phần nghìn những tử kết rỗng.

Những người khác lại nhìn thấy tất cả đều mầu hồng vì rằng họ đã nhận được một vài công việc đắp đê hay xây dựng nhà.

Những người khác nữa, cuối cùng, trông thấy, sự trở lại của phần vinh trong hàng nghìn những biểu hiện sáng tạo của những nhà sản xuất nhỏ người bản xứ, mà những ngừng trệ kinh tế trong kinh

doanh đã đẩy họ đến dò dẫm một ít những phương pháp tổ chức Âu Châu được nhiều người ca ngợi. Chính như thế mà người ta đã có thể nhìn thấy những cố gắng rất hay về trình bày, trong những ngày bán hàng và triển lãm bản xứ. Nhưng với một số ít hàng, người ta đã xem xét được thì những kết quả cá nhân đã đạt được, người ta nhận thấy hiệu quả chẳng ra gì của tất cả những phương tiện đó và mỗi người đều phải chịu những chi phí của mình.

Sự thật là, đất nước đang sống trong một cơn ngủ mê gần như hoàn toàn và người ta có cảm tưởng là những mạch máu của chúng ta, có một lúc đã căng lên đầy máu hào phóng, từ từ chảy đi hết để đi tới khô cạn hoàn toàn.

Quần chúng người bản xứ, họ đã sống như vậy trong một nền kinh tế khép kín, chỉ còn có nguồn tài nguyên đã có trong sự tự nguyện trở lại với hình thức sinh sống cổ xưa của họ, ngày nay được cải thiện lên bởi có an ninh và những khả năng giao thông nhanh chóng. Nhưng nền an ninh và những sự đi lại nhanh chóng này họ phải trả tiền dưới hình thức những thuế khoá và những chi phí vận tải. Thuế và vận tải giá đều quá đắt và tiền thì ngày càng hiếm tới một mức làm cho những người nông dân không bán thóc lúa của họ nữa và không có những phương tiện để gửi nó đến nơi mà ở đó có

người hỏi mua, họ đã cố gắng vất vả để trả tiền thuế của mình, trong khi chờ đợi với sự hồi hộp cái lúc mà họ sẽ không còn có thể trả tiền thuế được nữa. Như vậy cái vòng phân phối nội bộ, nó phải được làm một cách tự nhiên, bản thân nó đã bị bịt kín lại, làm cho việc khai thác đường sắt bị lỗ vốn, và khai thác đất không có hiệu quả, bình thường ra thì bao giờ đất cũng nuôi sống được ít nhất là người cấy ruộng.

Người khỏe mạnh, trên đất nước này đến hôm nay không còn có can đảm để nói: Nếu không làm gì được nữa, tôi sẽ trở lại ruộng đất của mình.

Không có gì làm được nữa và họ cũng không có thể trở cho ruộng của họ, trong một số vùng nó chỉ vừa đủ để tiền thuế, chỉ để lại cho họ có rơm, và điều đó coi như tiền bỏ ra làm vốn của họ là mất không.

Trong những điều kiện đó, để cho những người cấy ruộng không bỏ đất của họ, thì họ phải có một liều thuốc ảo tưởng rất mạnh, may mắn là nó vẫn còn khuyến khích được người nông dân, ngay cả sau ba hay bốn lần đã bị lỗ vốn. Chính đây là một sự việc sung sướng mà bản thân chúng ta cũng có thể nhận thấy, và để cho nó vẫn giữ được là một mối an ủi cho một dân tộc lao động, không

cần phải biết lâu hơn nữa những thất bại đã nhắc đi nhắc lại mà những nông dân của chúng ta đã biết từ bốn năm nay rồi.

Trong các chợ ở bên trong nước, người ta rất khó để nhìn thấy được nhưng con lợn nặng 10kg được bán với giá 1\$, và hai rổ đầy cà tím được bán với giá 0\$20 là nhiều khi còn phải nghe những người đàn bà tốt vừa nói với các anh vừa chỉ vào háng hoá mang trở về. Thật là đau lòng phải chăm sóc những cây cối của mình đã từ sáu tháng nay, để chỉ được trả tiền ngày công đi chợ của mình với cái cân nặng trĩu ở trên vai.

Thuốc chữa cho tất cả những căn bệnh đó, nhất định sẽ chỉ có là một ít tiền ném thêm vào vòng luân chuyển. Không quan trọng gì nếu là những đồng bạc giá 10frs hay là đồng bạc mất giá. Chính đây là những tế nhị của những nhà tài chính mà nhân dân chẳng ai biết. Và chính nhân dân lại cần sống trước tất cả mọi người. Nếu nhân dân bị phá sản, không có phương tiện để mua bất cứ một thứ gì, thì những nhà tài chính này sẽ làm gì với những tiền bạc trong trắng của họ. Nếu không phải là rút nó ra khỏi vòng quay để họ vẫn giữ được danh tiếng là những người giàu có độc nhất.

Đấy một cách suy luận tầm thường mà tất cả mọi người sẽ còn bình luận được, trừ ra những người làm chủ đồng bạc mà chính phủ bênh vực và che chở chống lại tất cả những đòn có nguy cơ gây ra nạn đói cho số còn lại của nhân loại.

Cái mà người ta gọi là Ngân hàng gửi tiền Đông Dương là toàn bộ quyền hạn của những người đã gửi vào đó vốn liếng và tài sản của mình, coi như mọi công việc vẫn đều tốt, đối với những người mà họ khai thác nó, ngay cả nếu nó trở nên xấu. Chính là những con người nghèo khổ, là vật chất để khai thác, họ phải chấp nhận tất cả mọi sự phiêu lưu, gồm có cả nguy cơ bị chết đói, để giữ lại nguyên vẹn vốn đầu tư. Chính đây nói tóm lại là ý nghĩa của đường lối chính trị về tiền bạc của những người đang cai trị chúng ta. Đường lối chính trị này tự đứng vững cho tới một giới hạn nào đó và khi nào, đời sống của tất cả một đất nước còn chưa lâm vào nguy hiểm, khi nào không còn có nguy cơ phải hy sinh ngay bản thân cái vật chất để khai thác. Cứ kiên trì vượt ra ngoài cái giới hạn đó sẽ cho chúng ta thấy bóc lột tư bản dưới trạng thái ích kỷ và ghê tởm của nó sẽ dẫn tới làm cho những lý luận của Xô Viết, lý luận sau một giai đoạn quảng cáo sôi động, may mắn đã bị khắc phục, hiện nay đang đi vào một giai đoạn chuyển sang hoà bình,

theo ý kiến chúng tôi nó trở thành khác đi và nguy hiểm hơn rất nhiều.

Có phải chăng Mắc tư khoa đã giác ngộ được nhiều nước châu Âu nổi tiếng ở đây, đang bị vấp ngã vì vỡ nợ hay vì phá sản, tới mức không còn trông thấy vì vỡ nợ hay vì phá sản, tới mức chỉ còn trông thấy hy vọng vào cuộc đổi mới của thế giới bằng đảo chính.

Nguyễn Văn Vĩnh

A.N SỐ 260

3/8/1933

MÂU THUÃN GIỮA NHỮNG NGƯỜI AN NAM TRONG KINH TẾ KHỦNG HOẢNG

Ngoài chính sách thu hồi lại những vốn liếng bằng bất cứ giá nào và theo những điều kiện đối tiền tốt nhất, mà chúng tôi chê trách những nhà tài chính Âu Châu họ đã đầu tư tiền của họ vào đất nước này, chúng tôi cũng sẵn sàng công nhận là họ vẫn giữ được vô danh trong việc áp dụng chính sách này, nói cho cùng là nhân đạo.

Họ không như thế, những người lái buôn tiền bạc là người An Nam, trong thời buổi bò sữa béo này họ đã kinh doanh với những người có đồng vốn hạn chế, đầu tư vào những công việc mà họ đã biết chắc chắn là kiếm ăn được. Bị bất ngờ, vì kinh tế khủng hoảng, họ đã nhìn thấy những đồng bạc của họ bị ứ đọng lại ở những người vay tiền bất thành lình không còn khả năng để đối đầu với tình hình, không giả nổi nợ nữa. bản thân họ bị loại bỏ ra ngoài, không được tán thành những ra hạn nợ, dưới sự đe dọa bị bắt giữ, hoặc bị giảm sút quá nhiều những công việc kinh doanh, lại còn cộng thêm những lo lắng nghiêm trọng về số phận của những

đồng tiền vốn của mình, những người giàu có này có một lúc nói chung đã tự tỏ ra có một mâu thuẫn đã vượt quá tất cả những cột mốc giới hạn, để thử tìm cách bất cứ thế nào cũng phải thu hồi lại được những tiền vốn đã bỏ ra cho vay.

Nhưng những người độc ác hơn cả, lại không phải bao giờ cũng là bản thân những người có tiền cho vay. Những người đã kiếm ra được những đồng bạc bằng mồ hôi chán của mình, và vì vậy họ đánh giá được đúng đắn hơn những khó khăn của thời buổi mà những người vay tiền của mình đang lâm vào. Vì cũng có khi chính bản thân họ cũng đã lâm phải.

Nhưng chính là những người thừa kế hoặc là có quyền hờ hững cũng của những người cho vay tiền đó, họ đã tự tỏ ra là những người độc ác hơn cả, khi mà đồng tiền cho vay không mất cho họ một tí gì cả.

Một trong những nhà công nghiệp của chúng ta những người xứng đáng có quyền lợi nhất, trong bốn mươi năm cố gắng liên tục, đã đi tới xây dựng lên được một nhà máy sản xuất lớn..... mà những người An Nam có thể tự hào, có phải là ông đã vừa phải ký tên vào tuyên bố vỡ nợ, chỉ vì một số tiền vay nợ khốn khổ 10.000\$, trong khi ông còn có giải giáp dưới nắng mặt trời 300.000\$ nhà cửa, đất đai và nguyên liệu của nhà máy, tất cả đều bị tiêu tan

đúng như vậy chỉ do một đăng ký để vay nợ một số tiền là 20.000\$. Vốn của cái xí nghiệp đẹp đẽ này đã lên tới 70.000\$, như chúng ta vừa nói, chỉ vì có 20.000\$ để bảo đảm. Những người cho vay lãi khác đều phải kiên gan và chờ đợi sự trở lại phần vinh. Những người thừa kế của riêng một người trong số họ, lại muốn đòi được ngay lập tức 10.000\$ tiền nợ mà người cha của họ mới chết đã để lại.

Nền công nghiệp của chúng ta đã là vũng vàng đến mức có thể tự giải quyết được các công việc, hay là đạt được một sự điều đình, mà họ đã quên đi mất thủ tục phải nộp bảng tổng kết tài sản trong 15 ngày tiếp theo sau biên bản, một thủ tục đã cho phép người ta được làm đơn yêu cầu giải tán trước toà án. Và tuyên bố vỡ nợ đã trở thành một việc hợp lệ không thể tránh được.

Chúng tôi tự hỏi nếu trong trường hợp loại như thế này, những toà án thương mại sẽ không cần phải sử dụng đến tất cả những dễ dàng mà luật lệ đã cho phép, để không phải tuyên bố vỡ nợ thiếu công bằng, mà những ảnh hưởng đầu tiên sẽ là phá sản của một người lao động có tài không vi phạm một lỗi nào khác, là lỗi đã không dự trù được trước kinh tế khủng hoảng, sau đó là sự phân tán ra bốn phương theo chiều gió những việc bán đấu giá những máy móc công cụ đất tiền và những trang bị quý giá, mà nhìn

chung sẽ lấy lại được những giá trị thương mại không thể phủ nhận được khi nào có sự phục hồi các công việc, và nếu bị phân tán bán đấu giá thì sẽ hoàn toàn bị huỷ bỏ. Những người cho vay lãi như vậy sẽ thu hồi lại được đồng tiền của mình, nhưng với một giá đất như thế nào đối với người vay nợ khốn khổ.

Chúng ta biết rằng việc xét xử đã được tiến hành, nó sẽ còn có thể làm cho cái khối những người cho vay lãi nghe lẽ phải, và một thoả hiệp danh dự còn có thể đạt được.

Những bộ luật thương mại đẹp đẽ đã được làm ra với mục đích để bảo vệ được tất cả, những quyền lợi, một tuyên bố vỡ nợ hoặc ngay cả một cuộc bán đấu giá của toà án, vẫn là một nguy hại đối với nhiều xí nghiệp chính là một cuộc điều đình thoả thuận với nhau không mất tiền, không thầy kiện và không ai can thiệp chỉ mình nó đã có thể cứu vãn được một công việc kinh doanh bị phá sản và phải tiêu tiền không có lợi gì.

Những trường hợp này vẫn còn là những trường hợp riêng biệt ở Bắc Kỳ, người ta cho chúng tôi biết nó là phổ thông và rất nhiều ở Miền Nam và chẳng có ai làm gì cả để cứu vãn những người lao động lương thiện để thoát khỏi nghèo khổ và bị tủ nhục không đáng bị.

Lời kêu gọi của chúng tôi có nguy cơ chỉ được truyền lan vào trong sa mạc. Chúng tôi mong ước rằng ít ra nó cũng sẽ được nghe bởi những người có lương tâm, và dư luận có phản ứng lại chống sự man rợ của một số chủ nợ, quá vội vàng để thu hồi về tiền bạc của mình trong một lúc mà họ không biết làm gì cho được hay hơn nữa.

Người ta đã chứng minh cho chúng tôi mối nguy cơ đòi giả nợ tổng thể. Ngay như là việc đó có thật, chúng tôi vẫn cứ tin chắc rằng sẽ có sự sáng suốt của những toà án, trong một số những trường hợp đặc biệt, ngay cả một sự đối xử tốt sẽ còn vượt xa những giới hạn của luật lệ, sẽ được sự đón tiếp niềm nở của tất cả mọi người, ngay cả những người cho vay nợ họ cũng thấy rõ là quyền lợi thực tế của đồng vốn trong một thời buổi khó khăn như thế này.

Kinh tế khủng hoảng hiện nay liệu có làm xuất hiện ra những trở ngại không thể tránh được trong luật lệ, vì muốn che chở quá đáng những quyền lợi của người cho vay, đã phá vỡ sự cân đối cần phải có, nó phải được tiến hành dựa trên sự hợp tác giữa lao động và tiền vốn, giữa xí nghiệp và những người bỏ vốn của nó. Tất nhiên là những người chủ nợ bao giờ cũng có thể nói lên sự việc của bản thân họ cũng là người đi vay tiền và việc thực hiện những cam kết mà những người có tiền

cho vay đối với họ. Nhưng nó là những trường hợp tất nhiên mà ở đó tình trạng của người cho vay không thể nào bị vi phạm bằng bất cứ một cách nào bởi sự kém sút nhất thời của những người vay nợ của họ. Trong nước chúng ta có cả một hàng ngũ những người cho vay lãi và hút máu, trong đó những công việc chỉ được làm theo một chiều là không có tiền cho vay nợ mà chỉ có độc nhất những tiền cho vay lãi. Kế toán của họ giảm xuống chỉ còn có một quyển sổ lớn để ghi những người vay nợ, nếu nó được ghi chép tốt thì nhiều khi chỉ có những khách hàng họ đã trả những tiền lãi đã lên tới gấp đôi hay gấp ba số tiền vốn đã cho vay.

Chính những người này họ bao giờ cũng vội vàng để thu hồi lại những đồng bạc của họ nó sẽ sẵn sàng tăng nhanh sự sụp đổ của những người vay tiền của họ, bởi vì họ không còn phải phiêu lưu và chỉ còn những lợi nhuận khổng lồ.

Phải chống lại những bọn hút máu này và chúng ta chúc được trông thấy những toà án bênh vực những người lao động chân thật, nạn nhân của kinh tế khủng hoảng hiện nay.

Nguyễn Văn Vinh

A.N. SỐ 481

22/9/1935

TÌNH HÌNH KHÔNG GIỮ VỮNG ĐƯỢC

Từ trước và cho tới những năm vừa qua, đồng bào của chúng ta vẫn cố ở lại ruộng đất, khi mà họ không còn có việc gì tốt hơn để làm được. Họ cũng trở lại ruộng đất khi mà họ đã bị thất bại trong những việc kinh doanh thương mại, công nghiệp hoặc những kinh doanh khác. Ngay cả bản thân những người quan lại và công nhân viên chức họ cũng phải cẩn thận, khi mà những thu nhập của chức vụ còn tốt và những tiết kiệm còn dễ dàng, để có thể tạo ra được một dự trữ tính ra bằng ruộng đất để đề phòng có sự thay đổi.

Ruộng đất bất cứ lúc nào vẫn cứ nuôi được người chủ đất, khi mà nó không làm được cho họ trở lên giàu có, khi mà người ta còn có thể bắt đất làm việc bằng những người khác, người ta chỉ còn có thu tiền cho thuê đất, bằng tiền hay bằng hiện vật, trong đó điều quan trọng là có sự thay đổi theo thời giá. Người ta đã tự làm như vậy việc chăm sóc bằng cách cho những người nghèo hơn mình có việc làm, có nghĩa là cuộc sống, cuộc sống cho người cấy ruộng, và cho những người của mình.

Nếu số lượng đất không đem lại một thu nhập đầy đủ, và người chủ đất không còn có đất nào khác, họ chỉ còn có một nguồn là tự bản thân mình phải đi vào cây ruộng của mình. Anh ta tiến hành việc trở lại làm ruộng thường là theo từng giai đoạn nối tiếp nhau, để không vi phạm những quyền của người cấy ruộng thuê và những người thuê ruộng. Những việc cho thuê lấy bằng hiện vật sẽ đầu tiên biến thành thu tô hoặc cho thuê ruộng bằng cách chia những thu hoạch, rồi người ta lấy lại từng thửa từng thửa một để trực tiếp khai thác đất đai của mình, hoặc bằng cách sử dụng nhân công trả tiền lương, hoặc tự mình lợi xuống bùn cây ruộng. Nói tóm lại, những người chủ đất đã có cả một loạt những công thức, trong đó công thức ít tiện lợi nhất cho phép một gia đình trung bình sống được với ba mẫu ruộng, có trong tay một số tiền vốn tối thiểu, mà những người giàu có đã không từ chối họ, bởi vì sự thu hồi lại trong những điều kiện bình thường là được bảo đảm bởi những lực lượng thường dùng mà luật lệ và những nhà chức trách có sẵn để can thiệp vào.

Cũng vì vậy mà chúng ta đã có câu: "Dĩ nông vi bản" (làm ruộng là một công việc làm gốc). Khả năng tối thiểu của Chính phủ là phải bảo đảm cái khả năng sống được đó của đất đai, nếu không cho tất cả và ở khắp mọi nơi, thì ít ra cũng cho những

dân chúng mà người ta gọi là đã qui phục và đã được bình định. Sự an ninh của người cấy ruộng là điều kiện của Hoà bình ở bên trong nước, nó là thiết thân của người đứng đầu trong nhiệm vụ thần thánh của họ.

- Ngày nay người ta có thể còn nói như thế được không? Chính phủ Pháp đã cho dân tộc chúng ta những ưu tiên về an ninh và về thịnh vượng, hai điều đó bao giờ cũng cân đối trong một phạm vi rộng lớn, những bất ngờ đã đem lại cho nông nghiệp, do sự cầu thả và sự không hiểu biết những nguyên lý cơ bản đó của đời sống thành thị An Nam.

Kinh tế khủng hoảng không may đã ập đến, mang lại một đòn nặng nề nhất vào công trình của nó để phát triển công nghiệp và thương mại, và chỉ trong một vài năm, một ít khởi sắc đã được thực hiện lại bị tiêu diệt, đến một mức làm cho đại đa số những người An Nam, nếu không phải là tất cả, đã lùi trở lại, như đứng trước đối mặt với ruộng đất của mình, như những phương tiện độc nhất để sản xuất, có thể đem lại cho họ, ít nhất cũng có cái gì để ăn.

Đối với nỗi khốn khổ của chúng ta, nông nghiệp cũng như vậy, đã phải chịu những ảnh hưởng của một hệ thống cung cấp tài chính, của một tổ chức kinh tế được xây dựng lên trên những

cơ sở công nghiệp và nó nhất định trở thành gấn chặt với tất cả nền móng kinh tế đang sụp đổ. Nhà nước, chỉ đơn giản là người bảo vệ nông nghiệp, đây chỉ là một quan niệm cũ kỹ, với số tiền thù lao khiêm tốn mà tượng trưng là một thuế đất vừa phải so sánh với những lợi nhuận của đất đai, đã trở thành một loại địa chủ khai thác tham lam, khấu đi của những người cấy ruộng một khoản tiền thuế cố định cho từng mẫu, trong đó tiền thuế cứng nhắc không chiếu cố tới những năm mất mùa, cũng không để ý đến số tiền lời. Tiền thuế này tượng trưng cho một tỷ lệ phần trăm đặc biệt là cao, tính trên thu nhập thực tế, mà những người chủ đất loại khó tính nhất cũng không dám đòi hỏi những người thuê đất hay người cấy rẽ của mình.

Cũng giống như tất cả những bánh xe bộ máy quản trị sống lên trên đó, chỉ riêng ý kiến về một sự xét lại hợp lý, đúng đắn và công bằng đã làm lo sợ những xếp của chúng ta. Vì rằng họ không thể nào không nghi ngờ về sự cần thiết nguy hiểm phải làm giảm bớt gánh nặng đè lên người cấy ruộng, nếu người ta không muốn đè bẹp họ dưới trọng lượng của mình. Cũng vì vậy, những tiểu ban đã được lập nên để nghiên cứu những cơ sở của một việc thống nhất vào một mối thuế ruộng đất, có cho ta thấy một cảm tưởng mong muốn một cách đơn giản là

tranh thủ thời gian. Nó làm rối loạn một vấn đề mà bản thân nó đã là rất phức tạp. Khi đi vào những phân tích số liệu và những tính toán khai thác người ta không thể nào lập lên được chỉ vì có một lý do là những người nông dân của chúng ta không có kế toán và họ chỉ có cấy cấy ruộng đất, làm đầu tất cả để ăn hạt gạo và chấp nhận tất cả những đổ vỡ do việc đó gây ra. Chỉ một cuộc điều tra đơn giản, một cách sơ sài đã đủ để thiết lập được tình hình không thể đứng vững được, trong đó có tất cả những người làm ruộng của chúng ta. Tất cả là không quá đáng, từ những ông quan lớn có hàng ngàn hàng trăm mẫu ruộng, có sẵn những hệ thống thủy lợi và làm khô đất tốt nhất, cho tới những người đông dân nghèo khổ họ chỉ có một vài sào đất xấu, trong khi những điền chủ lớn được mọi người biết đến một cách kính trọng, đều biến thành những người phải đưa vào tù vì không đóng tiền thuế, không phải là vì tinh thần xấu, cũng không phải là vì mong muốn có một chứng cứ để khẳng định tình hình nguy cấp mà người ta kêu ca cho là những người báo động. Nhưng chính là họ đã bị bất ngờ, chính bản thân họ đã không tìm đâu ra được một vài trăm đồng vào đúng lúc để đem đóng thuế cho hợp lệ với kho bạc Nhà nước.

Khi mà những nhân sĩ nổi tiếng đang ở trong tình trạng đó, người ta thấy được tình trạng của đồng đảo những người nông dân cây ruộng không ai biết đến, trong lúc đó họ đã làm tất cả để hoàn thành nhiệm vụ nộp thuế của mình. Tôi miễn không nói lên ở đây những chi tiết đen tối của bức tranh đã được họa lên hàng nghìn lần rồi.

Nếu ruộng đất được cấy cấy và tiếp tục đem lại cho chúng ta hạt gạo của nó, chính là nhờ có những người nông dân cây ruộng làm cho nó sinh sôi nảy nở, mặc dù như thế nào để đạt được điều bí ẩn tốt lành đó, nó tạo thành giá đỡ của người sản xuất của những người nông dân của chúng ta, một cái gì cũng giống như một phản ứng, chính là vì những người nông dân vẫn tiếp tục quản lý điều khiển mặc dù những lỗ vốn, họ quyết định đánh lừa người địa chủ, nếu cần. Chính là những người cây ruộng thuê đã đến lượt mình tiếp tục cấy ruộng, mặc dù là bị tịch thu những gặt hái ngay trên ruộng, mặc dù là bị ghi nợ liên tiếp vào tài khoản nợ hàng năm của mình, họ cũng vậy phải đánh lừa người địa chủ, khi nào họ có thể lừa được. Tất cả dân tộc này vẫn tiếp tục công việc bận rộn cao đẹp nó nuôi sống mình trong sự cố ý không biết gì và một cách máy móc về những bó buộc tài chính đối với những người cho vay lãi, đối với những địa chủ, đối với

thuế má mặc dù là bao giờ cũng có một người nào sẽ trả, trong sự mơ tưởng dịu dàng về sự giữ lại ược một cái quyền.

Ở đây có một hiện tượng cân bằng có lẽ phải ca ngợi, nhưng nó sẽ trở thành có tội vì không hoảng sợ.

Bởi vì cho tới bao giờ truyện lạ đời này sẽ còn tồn tại, và nó sẽ kết thúc ra sao? Không có một ai có thể nói lên được.

Đã từ bốn năm nay, những người bi quan bao giờ cũng loan báo có sự đổ vỡ trong năm sắp tới, và nó vẫn không tới.

Có lẽ phải vui mừng về điều này, nhưng sẽ có thể là thiếu cảnh giác để tiếp tục cuộc sống đều đều nhỏ nhẹ dựa trên lòng tin vào phép lạ thường xuyên đổi mới và không nghĩ ra được một vài cách giải quyết cơ bản làm cho nhân dân nghĩ rằng có một chính phủ đúng đắn đang chăm sóc đến số phận của mình.

Nguyễn Văn Vĩnh

1001 BÀI BÁO "L'ANNAM NOUVEAU
1931 - 1936

- TẬP 1 - Một tháng với những người đi tìm vàng
TẬP 2 - Thư của ông Phan Châu Trinh gửi toàn quyền Đông Dương
TẬP 3 - Phan Bội Châu người cách mạng hối hận
TẬP 4 - Tờ báo này ra đời như thế nào?
TẬP 5 - Nổi thẳng
TẬP 6 - Từ Triều đình Huế trở về
TẬP 7 - Ông Phan Quỳnh nhận xét lập trường chính trị của tôi.
TẬP 8 - Những nhân vật đổi mới từ trần.
TẬP 9 - Trẻ con hát, trẻ con chơi.
TẬP 10 - Truyện Thuý Kiều.
TẬP 11 - Chữ quốc ngữ đổi mới.
TẬP 12 - Tết Nguyên đán .
TẬP 13 - Báo chí và nhà in.
TẬP 14 - Những vấn đề đời sống vật chất của nhân dân ta.
TẬP 15 - Bộ mặt thật của nền giáo dục.
TẬP 16 - Tệ nạn hối lộ dưới mọi hình thức.
TẬP 17 - Xu hướng chính trị hiện nay đối với người bản xứ .
TẬP 18 - Cải cách hay cách mạng .
TẬP 19 - Cách mạng đổi mới đầu thế kỷ XX.
TẬP 20 - Trở về nước sắp tới của vua Bảo Đại
TẬP 21 - *Đối mặt với kinh tế khủng hoảng*

MUC LUC

65 ngày giỗ ông Nguyễn Văn Vĩnh
1 - 5 - 1936 ÷ 1 - 5 - 2001 1 ÷ 2
- Ảnh gia đình ông Nguyễn Văn Vĩnh 3 ÷ 4
1- Đồng kềm và đồng trinh 5 ÷ 11
2- Đồng vàng 12 ÷ 23
3- Đối mặt với kinh tế khủng hoảng 24 ÷ 29
4- Trộm và cướp 30 ÷ 35
5- Những chỉ số đáng lo ngại 36 ÷ 42
6- Tình hình hiện nay 43 ÷ 48
7- Mau thuẫn giữa những người
An Nam trong kinh tế khủng hoảng 49 ÷ 54
8- Tình hình không giữ vững được 55 ÷ 61
